

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS - ST

Ngày: 31/7/2025.

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – KHÁNH HOÀ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hương

- Bà Mai Thị Huyền Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Nữ Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 - Khánh Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8 - Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐST-DS, ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Báo Thị Như H, sinh năm; 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1994 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:**

- Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1990 (có mặt).

- Ông Lê D, sinh năm: 1995 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Lê Thị Như H2, sinh năm; 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Từ T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn:** Hán T, sinh năm; 1985 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà H trình bày: Bà Nguyễn Thị L thiếu nợ ngân hàng H5 ở thị trấn P đến hạn trả nợ Ngân hàng không có tiền trả bà L có gặp bà vay số tiền 810.000.000 đồng hẹn trong 1 tuần trả, khi bà L đáo hạn vay lại bà L trả tiền 810.000.000 đồng cho bà.

Khi vay hai bên thoả thuận bằng miệng hàng ngày bà L phải trả lãi cho bà 1.200.000 đồng trên số tiền nợ gốc 810.000.000 đồng.

Khi thoả thuận xong bà H giao tiền cho bà L, bà với bà L đến Ngân hàng cùng có mặt bà H2 là chị bà L, bà L lấy tiền của bà đưa cho bà L, bà L trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng trả lại sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đứng tên bà Nguyễn Thị L rồi bà L giao cho bà giữ và do bà L viết chữ không rõ ràng nên bà L nhờ bà H2 là chị ruột của bà L tự tay viết giấy vay tiền, mẫu giấy cho vay tiền do bà H lập sẵn, khi bà H2 viết xong chính tay bà H2 ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị L vào bên người vay có sự đồng ý của bà L và có sự chứng kiến của bà H với bà L, bà H2; giấy cho vay tiền lập vào ngày 17/6/2024, lập 01 bản bên bà H giữ, bên bà L không có giữ.

Từ khi bà L nhận tiền của bà H cho đến nay bà L không trả gốc và lãi cho bà.

Đối với số tiền đưa cho bà L vay là tiền chung của vợ chồng bà.

Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền 810.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà L trả lãi.

Tại phiên hoà giải, tại phiên toà bà H xác nhận bà H2 là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy nợ vay của bà số tiền 810.000.000 đồng, bà H2 vay về chi phí cho gia đình, ông H1 biết xác nhận nợ, tại phiên toà ông H1 đồng ý trả nợ cho bà (H), bà (H) đồng ý và bà H xác nhận bà H2 trả cho bà (H) số tiền 30.000.000 đồng, bà đồng ý trừ vào nợ gốc của số tiền 810.000.000 đồng; nay bà (H) yêu cầu bà H2 và ông H1 phải trả nợ gốc cho bà 780.000.000 đồng.

Bị đơn bà L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L xác nhận lời khai của bà H2 là đúng.

Bà L xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195, thuộc thửa số: 1645, tờ bản đồ số 13, diện tích 1000m², trong giấy chứng nhận ghi địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp vào ngày 24/5/2023, đứng tên Nguyễn Thị L có nguồn gốc là của bà Lê Thị Như H2, bà Lê Thị Như H2 nhờ bà (Nguyễn Thị L) đứng tên dùm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi vay tiền của bà H, bà H2 có giao cho bà H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin.

Nay bà L đồng ý trả lại cho bà H2 và bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Báo Thị Như H giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK779195 cho bà Lê Thị Như H2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn (bà H2) trình bày: Vào ngày 17/6/2024 bà được nhân viên Ngân hàng giới thiệu bà Báo Thị Như H và bà có vay của bà H số tiền 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng) để trả tiền đáo hạn cho Ngân hàng H5 ở thị trấn P do bà nợ và bà có viết giấy vay tiền ghi ngày 17/6/2024, bà có ký tên bên vay giao cho bà H giữ, bà xác nhận giấy có đầu đề ghi “Giấy cho vay tiền” bà nộp tại toà án là do bà viết vào mẫu bà H đánh sẵn bà ghi tên Nguyễn Thị L bên phần người vay.

Lý do trong giấy nợ bà không ghi tên bà mà ghi tên Nguyễn Thị L, là do bà bị nợ xấu Ngân hàng không cho bà vay, nên bà lấy sổ đất của bà chuyển sang tên bà Nguyễn Thị L

để tiện việc thế chấp Ngân hàng vay tiền, nên khi vay tiền của bà H bà ghi tên Nguyễn Thị L để phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi vay tiền của bà H bà là người trực tiếp nhận tiền từ bà H, và viết giấy vay tiền không có mặt bà L, bà L không biết gì về việc vay mượn này.

Đối với số tiền vay của bà H hai bên thoả thuận bằng miệng mỗi ngày bà trả tiền lãi cho bà H 3.200.000 đồng trên số tiền nợ gốc 810.000.000 đồng và 2 bên thoả thuận cứ 10 ngày trả lãi một lần, bà trả lãi cho bà H là 32.000.000 đồng và khi trả tiền cho bà H bằng chuyển khoản, có những tài liệu chuyển khoản cho bà H kèm theo nộp cho Toà án.

Tại phiên toà bà H2 xác nhận số tiền nợ của bà H vợ chồng bà (H2, H1) đều biết, bà và ông H1 đồng ý trả nợ cho bà H số tiền 780.000.000 đồng và bà yêu cầu bà H phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị L cho bà.

Đối với tiền án phí Hội đồng xét xử giải thích theo qui định pháp luật bà H2 và ông H1 phải chịu.

Bà H2, ông H1 không đồng ý trả và nêu lý do: bà và ông H1 đồng ý trả nợ cho bà H và yêu cầu bà H giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà để ông, bà đi vay tiền trả cho bà H, nhưng do bà H không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà để ông, bà đi vay tiền trả cho bà H, chứ không phải ông, bà không chịu trả nợ cho bà H.

Ông H1 trình bày: Theo lời trình bày và lời xác nhận của bà L là đúng, tôi đồng ý nhất trí theo lời trình bày và lời xác nhận của bà L và tại phiên toà ông H1 xác nhận số tiền nợ của bà H vợ chồng ông, bà (H2, H1) đều biết ông và bà đồng ý trả nợ cho bà H số tiền 780.000.000 đồng.

Ông D trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195, thuộc thửa số: 1645, tờ bản đồ số 13, diện tích 1000m², trong giấy chứng nhận ghi địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp vào ngày 24/5/2023, đứng tên Nguyễn Thị L có nguồn gốc là của bà H2, ông H1 là đúng và ông đồng ý giao trả lại cho bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải trả cho vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông H3 Trường Nhiên số tiền nợ gốc 780.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195, thuộc thửa số: 1645, tờ bản đồ số 13, diện tích 1000m², trong giấy chứng nhận ghi địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp vào ngày 24/5/2023, đứng tên Nguyễn Thị L cho bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 (Lý do: bà L, ông D xác nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195 có nguồn gốc là của bà H2, ông H1).

Buộc bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét lời khai của bà H2, ông H1 tại phiên toà, bà H2, ông H1 xác nhận số tiền 780.000.000 đồng vay cho cá nhân bà H2 chứ bà L không biết gì và bà H2, ông H1 đồng ý trả cho bà H, ông N số tiền 780.000.000 đồng.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng xét xử lần 2 bà Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hán Trường N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[4] Xét trình bày tại phiên tòa nguyên đơn xác định: Tại phiên hoà giải và tại phiên toà bà Lê Thị Như H2 xác nhận bà là người trực tiếp viết giấy nợ cho bà H, giấy vay tiền ghi ngày 17/6/2024, giấy có đầu đề ghi "Giấy cho vay tiền", vay số tiền 810.000.000 đồng của bà H là bà H2 vay ông H1 chồng bà H2 có biết, còn bà L không biết gì và trong thời gian vay bà H2 có trả cho bà 30.0000.000 đồng nợ gốc, nay bà H yêu cầu bà H2, ông H1 phải trả cho bà số tiền 780.000.000 đồng bà H không yêu cầu bà H2, ông H1 tính lãi; bà H không yêu cầu bà L trả nợ cho bà H là có căn cứ.

[5] Xét trình bày bà H2: bà H2 xác nhận ngày 17/6/2024 bà có vay của bà H số tiền 810.000.000 đồng (Tám trăm mười triệu đồng) để trả tiền đáo hạn cho Ngân hàng H5 ở thị trấn P do bà nợ, bà có viết giấy vay tiền ghi ngày 17/6/2024 và bà có ký tên bên vay giao cho bà H giữ, bà xác nhận giấy có đầu đề ghi "Giấy cho vay tiền" bà H nộp tại toà án là do bà H2 viết vào mẫu do bà H đánh sẵn ghi tên Nguyễn Thị L bên phần người vay, trong giấy nợ bà không ghi tên bà (H2) mà ghi tên Nguyễn Thị L, với lý do bà bị nợ xấu Ngân hàng không cho bà vay, nên bà lấy sổ đất của bà chuyển sang tên bà Nguyễn Thị L để tiện việc thế chấp Ngân hàng vay tiền, nên khi vay tiền của bà H bà ghi tên Nguyễn Thị L để phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi vay tiền của bà H bà H2 là người trực tiếp nhận tiền từ bà H và viết giấy vay tiền không có mặt bà L, bà L không biết gì về việc vay mượn này.

Đối với số tiền vay của bà H hai bên thoả thuận bằng miệng mỗi ngày bà H2 trả tiền lãi cho bà H 3.200.000 đồng trên số tiền nợ gốc 810.000.000 đồng và 2 bên thoả thuận cứ

10 ngày trả lãi một lần, bà đã trả lãi cho bà H 32.000.000 đồng và khi bà trả tiền lãi cho bà H bằng chuyển khoản, có những tài liệu chuyển khoản cho bà H kèm theo nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa bà H xác nhận bà H2 đã trả cho bà 30.000.000 đồng nợ gốc, bà đồng ý trừ vào số tiền nợ gốc 810.000.000 đồng và bà yêu cầu bà H2, ông H1 phải tiếp tục trả cho bà nợ gốc số tiền 780.000.000 đồng, bà H không yêu cầu bà H2, ông H1 trả lãi; bà H2, ông H1 đồng ý trả nợ gốc 780.000.000 đồng cho bà H, ông N là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về lãi suất: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về bà Nguyễn Thị L: Tại phiên tòa bà H không yêu cầu bà L trả nợ Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp pháp luật chấp nhận.

Xét về ông Lê D: Ông D đồng ý với ý kiến của bà L, ông D xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195, thuộc thửa số: 1645, tờ bản đồ số 13, diện tích 1000m², trong giấy chứng nhận ghi địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp vào ngày 24/5/2023, đứng tên Nguyễn Thị L có nguồn gốc là của bà H2, ông H1 và ông đồng ý giao cho bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 quản lý sử dụng Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp pháp luật chấp nhận.

Xét về ông Nguyễn Thanh H1: Ông H1 đồng ý với ý kiến của bà H2, ông H1 đồng ý trả nợ 780.000.000 đồng cho bà H, ông N Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp pháp luật chấp nhận.

Xét về ông Hán Trường N: Ông N nhất trí với ý kiến của bà H Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp pháp luật chấp nhận.

Xét về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Khi vay tiền phía bà H2 có giao cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK779195, cấp ngày 24/5/2023 cho bà H để làm tin, hiện bà H đang giữ, khi nào bà H2, ông H1 trả hết nợ cho vợ chồng bà H, ông N thì bà H có trách nhiệm giao trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK779195, cấp ngày 24/5/2023 cho bà H2, ông H1 là có căn cứ.

[9] Từ phân tích và các chứng cứ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải trả cho vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N nợ gốc số tiền 780.000.000 đồng.

Về lãi bà H, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải liên đới chịu 35.200.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 BLTTDS;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải liên đới trả cho vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N nợ gốc số tiền 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Về tiền lãi: Bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 không phải trả cho vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N (do bà H, ông N không yêu cầu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 phải liên đới chịu 35.200.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Báo Thị Như H số tiền 18.150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004682, ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận cũ, nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Khánh Hoà.

Buộc vợ chồng bà Báo Thị Như H, ông Hán Trường N phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195, thuộc thửa số: 1645, tờ bản đồ số 13, diện tích 1000m², trong giấy chứng nhận ghi địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp vào ngày 24/5/2023, đứng tên Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà Lê Thị Như H2, ông Nguyễn Thanh H1 (Lý do bà L, ông D xác nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang ký hiệu DK 779195 có nguồn gốc là của bà H2, ông H1).

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn bà L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H2 có mặt, ông N vắng mặt có

đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2025). Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị H4; Mai Thị Huyền T

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND Khu vực 8 - Khánh Hoà;
- Phòng THADS Khu vực 8- Khánh Hoà (để thi hành);
- Các đương sự (để biết);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị H4; Mai Thị Huyền T

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước
(để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sử

